

1. MỤC TIÊU

1.1 Kiến thức. Học sinh ôn tập, củng cố kiến thức về thể loại, phong cách sáng tác, tiếng Việt đã được học ở nửa đầu học kì 1

1.2. Kỹ năng: Học sinh rèn luyện các kỹ năng:

- Đọc hiểu văn bản
- Viết bài nghị luận văn học

2. NỘI DUNG

2.1. Phạm vi kiến thức, kỹ năng

Bài 1- Khả năng lớn lao của tiểu thuyết

Đọc:

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của tiểu thuyết hiện đại: ngôn ngữ, diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật, ngôi kể, điểm nhìn trần thuật.
- Nhận biết được đặc điểm cơ bản của phong cách hiện thực trong tiểu thuyết.
- Phân tích và đánh giá được chủ đề, tư tưởng, thông điệp của văn bản.
- Nhận biết và phân tích được đặc điểm, tác dụng của biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ.

ngữ.

Viết: Viết được văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.

Tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói mỉa, nghịch ngữ: đặc điểm và tác dụng.

Bài 2- Những thế giới thơ

Đọc

- Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của thơ trữ tình hiện đại như: ngôn ngữ, hình tượng, biểu tượng, yếu tố tượng trưng, siêu thực trong thơ.
- Nhận biết đặc điểm cơ bản của phong cách cổ điển và lãng mạn qua các bài thơ đã học
- Vận dụng trải nghiệm văn học và cuộc sống để đánh giá, phê bình một văn bản văn học, thể hiện được suy nghĩ, cảm xúc cá nhân về một văn bản văn học.
- Vận dụng kiến thức về một số biện pháp tu từ đã học để phân tích đánh giá tác dụng của việc sử dụng các biện pháp tu từ đó trong bài thơ

Viết Viết văn bản nghị luận so sánh, đánh giá hai tác phẩm thơ (đoạn trích).

Tiếng Việt: Tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ

2.2. Bảng năng lực và cấp độ tư duy

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức									
			Biết		Hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao			Tỉ lệ
			S.câu	Tỉ lệ	S.câu	Tỉ lệ	S.câu	Tỉ lệ	S.câu	Tỉ lệ	TS câu	
1	Đọc hiểu	Một văn bản (đoạn trích) nghị luận, thông tin	2	10%	2	20%	1	10%			5	40%
2	Viết	Tạo lập văn bản nghị luận so sánh (văn học)	1*	20%	1*	15%	1*	15%	1*	10%	1*	60%
3	Tổng		30%		35%		25%		10 %			100%

2.3. Câu hỏi minh họa

2.3.1 Câu hỏi đọc hiểu:

- Mức độ nhận biết:

- + Bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng được viết theo thể thơ nào?
- + Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích “Xuân Tóc Đỏ cứu quốc” (trích “Số đỏ”) của Vũ Trọng Phụng.
- + Trong tiểu thuyết “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh, người kể chuyện ở ngôi thứ mấy?

- + Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng ở hai câu thơ dưới đây:

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”

(“Tây Tiến”- Quang Dũng)

- + Nêu một số biểu hiện của phong cách cổ điển trong bài thơ “Cảm hoài” (Nỗi lòng) – Đặng Dung.

(...)

- Mức độ thông hiểu:

- + Nêu chủ đề bài thơ “Cảm hoài” (Nỗi lòng) của Đặng Dung.
- + Đọc “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh, anh/ chị hiểu thế nào về ý tưởng: con người Kiên sẽ được “phục sinh trong chuỗi dài tái hiện”?
- + Trong đoạn trích “Xuân Tóc Đỏ cứu quốc”, Xuân Tóc Đỏ đã xưng hô như thế nào với công chúng? Từ cách xưng hô đó người đọc nhận ra bản chất của Xuân Tóc Đỏ là gì?
- + Phân tích hiệu quả của phép tu từ trong câu thơ dưới đây:

“Chiều chiều oai linh thác gầm thét
Đêm đêm Mường Hịch cọp trêu người”

(“Tây Tiến”- Quang Dũng)

- + Xác định và phân tích tác dụng của các yếu tố tượng trưng trong đoạn thơ dưới đây :

“tiếng ghi ta nâu
bầu trời cô gái ấy
tiếng ghi ta lá xanh biết mấy
tiếng ghi ta tròn bọt nước vỡ tan
tiếng ghi ta ròng ròng
máu chảy”

(*Đàn ghi ta của Lor-ca* - Thanh Thảo)

- Mức độ vận dụng:

- + Thông điệp anh/ chị rút ra được sau khi đọc “Nỗi buồn chiến tranh” của Bảo Ninh.
- + Vận dụng tri thức ngữ văn về phong cách lãng mạn hãy chỉ ra một số biểu hiện của phong cách lãng mạn trong bài thơ “Tây Tiến” (Quang Dũng). Phân tích một biểu hiện mà anh/ chị cho là đặc sắc.
- + Đoạn trích “Xuân Tóc Đỏ cứu quốc” gợi cho anh/ chị suy nghĩ gì về trạng thái bị thôi miên và lên đồng của một xã hội?
- + Qua đoạn trích “Nỗi buồn chiến tranh”- Bảo Ninh, anh/chị hiểu thế nào về ý nghĩa của sự nhớ lại đối với đời sống tinh thần của một con người?
- + Hình tượng người lính Tây Tiến trong bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng từng bị phê phán là “xa lạ” với hình ảnh thực tế của anh bộ đội cụ Hồ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Theo anh/ chị, vì sao có sự đánh giá như vậy? Quan điểm của anh/chị về vấn đề này?

*Câu hỏi tạo lập văn bản nghị luận:

(Câu hỏi thể hiện cả 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao)

- Viết bài văn nghị luận so sánh và đánh giá cách kết thúc tác phẩm và ý nghĩa của chúng trong truyện ngắn “Chí Phèo” của Nam Cao và “Vợ nhặt” của Kim Lân.

- Viết bài nghị luận so sánh để làm nổi bật nét tương đồng và khác biệt ở hai đoạn thơ dưới đây:

“Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây súng ngửi trời
Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống
Nhà ai Pha Luông mưa xa khơi”
(“Tây Tiến” – Quang Dũng)
“Nhớ khi giặc đến giặc lòng
Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây
Núi giăng thành lũy sắt dày
Rừng che bộ đội rừng vây quân thù”
(“Việt Bắc” – Tố Hữu)

2.4. Đề minh họa

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I

Môn: Ngữ văn - Lớp 12

(Thời gian làm bài 90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu nêu ở dưới:

Đố kỵ nghĩa là bức tức, khó chịu trước những may mắn và thành công của người khác. Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó. Họ không muốn nhắc đến thành công của người khác, đồng thời luôn tìm cách chê bai, hạ thấp họ. Họ để mặc cho lòng tị hiềm, thói ganh tỵ, cảm giác tự ti gặm nhấm tâm trí ngày qua ngày.

Đố kỵ không những khiến con người cảm thấy mệt mỏi mà còn hạn chế phát triển của mỗi người. Thói đố kỵ khiến chúng ta lãng phí thời gian và không thể tận dụng hết năng lực để đạt được điều mình mong muốn. Ganh tỵ với sự thành công của người khác sẽ khiến chúng ta đánh mất cơ hội thành công của chính mình.

Tạo hóa tạo ra con người trong sự khác biệt và bình đẳng. Bạn cần phải ý thức được rằng, bạn là duy nhất và không bao giờ có người nào hoàn toàn giống bạn, cả về diện mạo lẫn tính cách. Vì thế, thay vì ganh tỵ với thành công và may mắn của người khác, bạn hãy tập trung toàn bộ tâm trí vào những ước mơ, dự định, đồng thời cố gắng hoàn thành chúng một cách triệt để. Hãy tự hào về sự khác biệt của bản thân bạn và vui mừng trước sự may mắn, thành công của những người xung quanh. Niềm vui ấy sẽ chấp cánh cho hạnh phúc của bạn và sớm muộn gì, bạn cũng sẽ đạt được thành công như họ”.

(George Matthew Adams, “Không gì là không thể”, Thu Hằng dịch, NXB Tổng hợp Tp Hồ Chí Minh, 2019, Tr.117)

Trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 5:

Câu 1.

Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Những lí do nào được nhắc đến trong đoạn trích cho thấy *đứng một mình không dễ*?

Câu 3.

Anh/chị hiểu thế nào là “khác biệt” và “bình đẳng” được nhắc đến trong đoạn trích?

Câu 4.

Phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật tương phản trong câu văn sau:

“Trong khi người thành công luôn nhìn thấy và học hỏi những đức tính tốt đẹp của người khác thì kẻ thất bại lại không làm được điều đó”?

Câu 5.

Thông điệp có ý nghĩa mà anh/ chị rút ra được từ đoạn trích.

II. VIẾT (6 điểm)

Viết bài văn nghị luận so sánh sự giống và khác nhau của hai văn bản sau:

*Người lên ngựa¹, kẻ chia bào²,
Rừng phong³ thu đã nhuộm màu quan san⁴.
Dặm hồng⁵ bụi cuốn chinh an⁶,
Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.
Người về chiếc bóng năm canh,
Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi,
Vầng trăng ai xẻ làm đôi,
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

(Trích *Truyện Kiều*, Nguyễn Du, NXB Giáo dục, 2007)

Và

*Đưa người ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một giã gia đình, một dừng dừng...
Li khách! Li khách! Con đường nhỏ,
Chí lớn chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.*

(Trích *Tổng biệt hành*, Thâm Tâm, in trong *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, 2008)

¹ *Người lên ngựa*: Chỉ Thúc Sinh.

² *Kẻ chia bào*: chỉ Thúy Kiều, *chia bào* nghĩa là buông vạt áo ra đi, không níu lại nữa.

³ *Phong*: một loài cây thân gỗ, đến mùa thu lá chuyển màu đỏ.

⁴ *Quan san*: cửa ải và núi non, chỉ nơi xa xôi hoặc cảnh biệt li.

⁵ *Dặm hồng*: dặm đường có bụi đỏ.

⁶ *Chinh an*: yên ngựa của người đi xa

-----Hết-----

Hoàng Mai, ngày 7 tháng 10 năm 2025
TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Thủy